

Số: 845 /KSBT-XN-CDHA-TDCN

LONG
So: 314/01
Ngày: 07/10/22
Chuyến:
Lưu hồ sơ số: T. 0101

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 0846.22



VILAS 853

Tên khách hàng: Chi nhánh cấp nước Tam Bình
Địa chỉ: Số 390/8, Khóm 4, TT. Tam Bình, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Người lấy mẫu : Lưu Thị Xuân Mai
Địa điểm lấy mẫu : tại chi nhánh cấp nước
Ngày lấy mẫu : 16/09/2022
Tên mẫu : Nước sạch S379
Lượng mẫu : 1đv x 2lit, 1đv x 500ml
Ngày nhận mẫu : 16/09/2022
Tình trạng mẫu : Đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	Clo dư (đo tại hiện trường)	HACH (DPD Free Chlorine)	0.70 mg/L	0,2 - 1,0 mg/L	16/09/2022
2	Màu sắc	SMEWW 2017-2120 C	< 5 TCU	≤ 15 TCU	16/09/2022
3	Mùi vị	Cảm quan	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	16/09/2022
4	pH	TCVN 6492-2011	6.98	6,0 - 8,5	16/09/2022
5	Độ đục	SMEWW 2130 B:2017(*)	Không phát hiện LOQ = 0,84 NTU	≤ 2 NTU	16/09/2022
6	Coliform tổng cộng	TCVN 6187-1:2019(*)	< 1 CFU/100mL	< 3 CFU/100 mL	16/09/2022
7	E.coli	TCVN 6187-1:2019(*)	< 1 CFU/100mL	< 1 CFU/100 mL	16/09/2022

Chú thích:

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
- <1 CFU/100 mL: Được xem như là không phát hiện.
- Tham chiếu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XN-CDHA-TDCN

KS. Võ Thanh Phương

Vĩnh Long, ngày 16 tháng 09 năm 2022



BSCKT. Phạm Minh Thanh

Số/ No: 08419 2209A/KQ
Mã số/ Code: 4192 2209
Mã số mẫu/ Sample code: 13349 2209
Trang/ Page: 1/ 1



VILAS 1074 VIMCERTS 211

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TAM BÌNH
Địa chỉ/ Address : Số 390/8, Khóm 4, Thị trấn Tam Bình, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
Địa điểm lấy mẫu/ Place of sampling : Hộ Nguyễn Ngọc Diệp, ấp Mỹ Phú 1, xã Tường Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 16/09/2022 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 24/09/2022
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước đã xử lý Số lượng mẫu/ Quantity of sample : 01 mẫu
Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SẠCH
Tình trạng mẫu/ State of sample : Đựng trong chai nhựa

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCVN 01-1: 2018/BYT
1	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/100mL	< 3
2	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/100mL	< 1
3	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl ₂ B : 2017	0,50	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
4	Độ đục (*)	SMEWW 2130.B : 2017	0,53	NTU	2
5	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2017	Không phát hiện (LOD=3,0)	TCU	15
6	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
7	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	6,87	-	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú/ Notes:

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by:
- Bộ Y Tế - Cục An Toàn Thực Phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety ; Bộ Nông Nghiệp - Cục Quản Lý Chất Lượng Nông Lâm Sản và Thủy Sản/ Ministry of Agriculture - National Agro – Forestry - Fisheries Quality Assurance Department
Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.
(*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (s/c): Items are tested by subcontractor
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



ThS. Nguyễn Văn Tâm

Số/ No: 08418 2209A/KQ
 Mã số/ Code: 4192 2209
 Mã số mẫu/ Sample code: 13348 2209
 Trang/ Page: 1/ 1


VILAS 1074 VIMCERTS 211

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TAM BÌNH
 Địa chỉ/ Address : Số 390/8, Khóm 4, Thị trấn Tam Bình, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
 Địa điểm lấy mẫu/ Place of sampling : Hộ Trần Phi Đức, ấp Mỹ Trung 2, xã Mỹ Thạnh Trung, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 16/09/2022 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 24/09/2022
 Loại mẫu/ Kind of sample : Nước đã xử lý Số lượng mẫu/ Quantity of sample : 01 mẫu
 Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SẠCH
 Tình trạng mẫu/ State of sample : Đựng trong chai nhựa

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCVN 01-1: 2018/BYT
1	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/100mL	< 3
2	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/100mL	< 1
3	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl ₂ B : 2017	0,40	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
4	Độ đục (*)	SMEWW 2130.B : 2017	0,48	NTU	2
5	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2017	Không phát hiện (LOD=3,0)	TCU	15
6	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
7	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	6,88	-	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú/ Notes:

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by:
 - Bộ Y Tế - Cục An Toàn Thực Phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety ; Bộ Nông Nghiệp - Cục Quản Lý
 Chất Lượng Nông Lâm Sản và Thủy Sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality
 Assurance Department
 Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
 Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
 Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
 LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.
 (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).
 (s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (s/c): Items are tested by subcontractor
 MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



ThS. Nguyễn Văn Tâm